

Văn bia chữ Hán về người Hoa ở các địa phương miền Bắc Việt Nam

Đinh Khắc Thuân^(*)

Tóm tắt: Văn bia chữ Hán về người Hoa gắn với hoạt động của họ ở các địa phương miền Bắc Việt Nam xuất hiện chủ yếu trong thời kỳ nhà Lê và nhà Nguyễn từ nửa sau thế kỷ XVII đến những năm đầu thế kỷ XX. Thông qua tư liệu thác bản văn bia tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm và tư liệu thu thập được trong quá trình điền dã (trong 2 năm 2019-2020), bài viết hệ thống tư liệu văn bia chữ Hán về người Hoa ở các địa phương phía Bắc Việt Nam; cũng như khai thác thông tin tư liệu tiêu biểu trong việc tìm hiểu về cộng đồng người Hoa và hoạt động của họ ở Việt Nam trong lịch sử.

Từ khóa: Văn bia chữ Hán, Cộng đồng người Hoa, Hội quán, Miền Bắc Việt Nam

Abstract: Chinese inscriptions about the Chinese associated with the activities of the Chinese in the northern regions of Vietnam appeared mainly during the Le and Nguyen dynasties from the second half of the 17th century to the early years of the 20th century. Through the epitaphs at the Institute of Han Nom Studies and field results (during the years 2019-2020), the article summarizes the Chinese inscriptions about the Chinese people in the northern regions of Vietnam, as well as exploits typical documentaries in learning about the history of the Chinese community and their activities in Vietnam.

Keywords: Chinese Inscriptions, Chinese Community, Huiguan, Han-written Materials, the Northern Vietnam

1. Tư liệu văn bia chữ Hán về người Hoa ở miền Bắc Việt Nam

Văn bia chữ Hán về người Hoa tập trung chủ yếu ở hai trung tâm thương mại lớn trước đây là Phố Hiến và Thăng Long - Hà Nội, cùng một số địa phương khác.

1.1. Văn bia chữ Hán về người Hoa ở Phố Hiến

Phố Hiến là tên gọi của thương điểm Hiến Nam, thuộc lý sở trấn Sơn Nam vào

thời Lê Trịnh thế kỷ XVII-XVIII, nay thuộc thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Phố Hiến là nơi tụ hội của các thương thuyền nước ngoài trước khi đi lên Thăng Long, nên nơi đây còn được gọi là Vạn Lai Triều 來朝灣 (Bến đậu để vào kinh kỳ). Tuy nhiên, khi việc buôn bán giữa phương Tây và Phố Hiến sa sút thì hầu hết người ngoại quốc, trong đó có một phần người Hoa, đã dời đi nơi khác, chủ yếu là lên Thăng Long, hoặc đi vào phía Nam. Song lẽ, đã có không ít thương nhân người Hoa vẫn ở lại đây, gần như nắm giữ độc quyền các hoạt động buôn bán.

^(*) GS.TS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: thuanhn@gmail.com

Hiện nay, Phố Hiến là khu phố cổ, lưu giữ nhiều di tích kiến trúc và văn bia cổ, trong đó có văn bia về người Hoa. Các văn bia này chủ yếu tập trung ở một số di tích liên quan đến người Hoa, tiêu biểu là: Đông Đô Quảng Hội ở đường Phố Hiến, phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên có 2 văn bia; đền Mẫu ở đường Bãi Sậy, phường Quang Trung có 2 văn bia; đền Thiên Hậu hiện ở đường Trung Trắc, phường Quang Trung, được xây dựng năm 1640 do 14 dòng họ người Trung Quốc ở các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và Phúc Kiến quyên góp tiền của xây dựng nên, thờ bà Lâm Tức Mặc, hiện có 5 văn bia; và nhà thờ họ Ôn thuộc phường Lê Lợi có 1 văn bia. Hầu hết số văn bia này đều trực tiếp hay gián tiếp đề cập đến người Hoa, như ghi lại lịch sử xây dựng, trùng tu di tích đó với sự tham gia công đức của người Hoa, cùng các hoạt động tín ngưỡng của cộng đồng người Hoa ở Phố Hiến và các vùng phụ cận. Điều đặc biệt là, ở Phố Hiến có một văn bia lại liên quan trực tiếp với cộng đồng người Hoa ở đây vào thế kỷ XVIII. Đó là văn bia đền Thái bảo họ Lê khắc năm Bảo Thái 4 (1723), do Trần Đê Đào soạn. Trần Đê Đào là Tàu trưởng tàu Hải Nam, người huyện Tấn Giang, phủ Tuyên Châu, tỉnh Phúc Kiến, Bắc quốc cư trú ở Vạn Lai Triều.

Ngoài ra, còn một số văn bia ở các ngôi đền, chùa khác do người bản địa dựng, có sự tham gia đóng góp của người Hoa định cư ở đây, như chùa Cổ Tùng có 2 bia, chùa Chuông có 3 bia, chùa Xích Đằng có 3 bia.

1.2. Văn bia chữ Hán về người Hoa tại Thăng Long - Hà Nội

Di tích người Hoa tại Hà Nội hiện còn Hội quán Phúc Kiến, Hội quán Việt Đông và miếu Quan Thánh.

Hội quán Phúc Kiến vốn là Hội quán của người Hoa Phúc Kiến, tọa lạc tại số 40 phố Lãn Ông (quận Hoàn Kiếm), hiện có 4

văn bia. Hội quán Việt Đông là Hội quán người Hoa Quảng Đông ở 20 phố Hàng Buồm (quận Hoàn Kiếm), hiện có 7 văn bia. Miếu Quan Thánh, số 40 phố Hàng Buồm (quận Hoàn Kiếm) có 4 văn bia. Ngoài ra còn có một số văn bia ở một số di tích khác như đền Bạch Mã (có 2 văn bia liên quan đến người Hoa), chùa Đông Môn từng được nhiều người Hoa gia trưng tu (có 1 văn bia).

Văn bia Trùng tu Việt Đông hội quán (Hà Nội)



Nguồn: Ảnh do tác giả chụp năm 2020.

Như vậy, tổng số văn bia liên quan đến người Hoa được sưu tập ở các di tích thuộc nội thành Hà Nội gồm 18 văn bản tại 5 di tích. Tất cả các di tích trên đều nằm trên trục đường thuộc hai phố Lãn Ông, Hàng Buồm và các vùng phụ cận thuộc quận Hoàn Kiếm, vốn là khu phố của thương nhân người Hoa chạy dài từ trung tâm phố cổ ra cửa sông ở phía Đông Thăng Long thuộc phường Hà Khẩu¹, nay thuộc phường Hàng Buồm.

¹ Hà Khẩu tức cửa sông mà trước đây thông ra sông Tô Lịch, sông Nhị Hà, nơi ra vào của thuyền buôn xuôi ngược.

1.3. Niên đại của các văn bia chữ Hán về người Hoa ở Phố Hiến và Thăng Long - Hà Nội

Về niên đại, văn bia liên quan đến người Hoa sớm nhất ở Thăng Long - Hà Nội là năm Chính Hòa thứ 8 (1687) khi người Hoa ở Thăng Long tham gia trùng tu đền Bạch Mã. Tiếp đó là văn bia ở các hội quán Thăng Long - Hà Nội được khắc vào triều Nguyễn từ năm Gia Long thứ 2 (1803) đến những năm đầu thế kỷ XX. Văn bia có niên đại sớm hơn vào thế kỷ XVII được khắc dựng ở Phố Hiến, nhưng số bia được dựng vào thời Nguyễn thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX chiếm số lượng lớn.

Niên hiệu được sử dụng ghi niên đại phổ biến là niên hiệu các triều vua Việt Nam từ thời Lê đến thời Nguyễn. Kể cả tác giả soạn văn bia là người Hoa cũng vẫn sử dụng niên hiệu triều vua Việt Nam mà không sử dụng niên hiệu vua Trung Quốc, như Trần Đế Đào sử dụng niên hiệu triều Lê (Việt Nam) là Bảo Thái tứ niên; hoặc văn bia từ đường họ Ôn do Ôn Văn Khâm soạn ghi niên đại là Bảo Đại Giáp Thân (1944). Trong thời Quốc Dân Đảng, một số văn bia ở Phố Hiến và Hà Nội dựng thời gian này sử dụng niên hiệu Dân Quốc, tức Trung Hoa Dân Quốc.

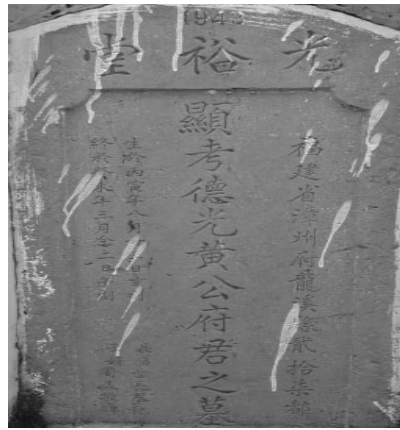
1.4. Văn bia chữ Hán về người Hoa ở các địa phương khác

Qua khảo sát điền dã, chúng tôi phát hiện ra một số văn bia người Hoa ở các địa phương khác như Thanh Hóa, Cao Bằng.

Tại số 248 đường Trần Phú, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa hiện còn dấu tích Hội quán Phúc Kiến. Hội quán đã bị hư hại hoàn toàn, được cải tạo làm kho của Nhà xuất bản Thanh Hóa, nhưng vẫn còn lại 2 bia đá, khắc văn bản chữ Hán. Văn bia được khắc vào năm Quang Tự thứ 24 (1903) và Quang Tự thứ 25 (1905) ghi bang người Hoa ở các tỉnh Phúc Kiến, Quảng Đông và Triều Châu trùng tu hội quán.

Tại tỉnh Cao Bằng (vùng biên viễn phía Bắc Việt Nam, trước đây vốn có khá nhiều người Hoa định cư, làm ăn) hiện có 2 văn bia ở miếu Bách Linh tại thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, khắc năm Khải Định Nhâm Tuất (1922), ghi họ tên người công đức xây dựng miếu, trong đó có Đại lý Tam Hoa quan Lô Bành đại nhân - là người Hoa sinh sống ở đây.

Bia mộ người Hoa (Thái Bình)



Nguồn: Ảnh do tác giả chụp năm 2020.

Ngoài các di tích trên, còn có 2 khu nghĩa địa người Hoa ở tỉnh Thái Bình và Hà Nội, hiện ở đó còn không ít văn bia chữ Hán. Bia mộ người Hoa ở tỉnh Thái Bình và Hà Nội cho biết người Hoa từng sống ở Việt Nam trong những năm thế kỷ XIX-XX, đến từ các địa phương thuộc các tỉnh Quảng Đông và Phúc Kiến, Trung Quốc.

Thông tin từ những văn bia chữ Hán nêu trên là dấu tích về người Hoa đã từng sinh sống hoặc gắn bó với những nơi này trước đây.

2. Về cộng đồng người Hoa ở Việt Nam qua tư liệu văn bia

Người Trung Quốc di cư vào Việt Nam khá sớm, nhất là thời Bắc thuộc trước thế kỷ thứ X. Từ thế kỷ thứ X trở đi, Việt Nam bước vào thời kỳ độc lập, tự chủ, việc di cư của người Trung Quốc đến Việt Nam bị hạn chế và kiểm soát chặt chẽ, nhưng vẫn có

một số lần di cư đến với số lượng lớn, tiêu biểu là thời kỳ chiến tranh Tống - Nguyên vào cuối thế kỷ XIII và thời kỳ nhà Minh bị thất bại trước nhà Thanh vào nửa cuối thế kỷ XVII. Trong đó, đặc biệt là vào thời kỳ đầu nhà Thanh, có một số lượng lớn người của triều đình nhà Minh để tránh sự uy hiếp của nhà Thanh đã di cư sang Việt Nam.

Sự kiện này được bộ *Quốc sử triều Nguyễn* (Việt Nam) chép như sau: “Năm Kỷ Mùi, thứ 31 (1679) mùa xuân tháng Giêng, tướng cũ nhà Minh là Long Môn Tổng binh Dương Ngạn Địch và Phó tướng Trần An Bình đem hơn 3.000 quân và hơn 50 chiến thuyền đến các cửa biển Tư Dung và Đà Nẵng tự trần là bộ thần nhà Minh, nghĩa không chịu làm tôi nhà Thanh, nên đến để xin làm tôi tớ (...). Binh thuyền của Ngạn Địch và Hoàng Tiến vào cửa Lôi Lạp (sau là Gia Định), đến dòng Mỹ Tho (sau là Định Tường), binh thuyền của Thượng Xuyên và An Bình thì vào cửa Cần Giờ, đến đóng ở Bàn Lan (sau thuộc Biên Hòa). Họ vỡ đất hoang, dựng phố xá, thuyền buôn của người Thanh và các nước Tây Dương, Nhật Bản, Chà Và đi lại tấp nập, vì thế mà phong hóa văn minh thấm dần vào đất Đông Phố” (*Quốc sử quán triều Nguyễn*, 1971, tập 3: 285-286).

Cùng với những người lánh nạn này là những thương nhân di cư sang Việt Nam làm ăn với số lượng ngày một nhiều. Chính vì thế, triều đình Lê Trịnh từng ban lệnh cấm khách buôn phương Bắc ở lẫn với dân bản địa, như sự kiện năm Cảnh Hưng thứ 25 (1764), được chép như sau: “Trước đây người Thanh sang buôn bán, chỉ cho cư trú ở Vân Đồn, Vạn Ninh của Quảng Yên và Cần Hải (hay Cần Hải thuộc Quỳnh Lưu), Hội Thống (tên xã, thuộc Nghi Xuân) của Nghệ An, không được lẫn trong dân. Đến đây, dân Vạn Ninh lưu vong nhiều, người Thanh có kẻ thừa dịp chiếm lấy ở. Họ lại mở nhiều phố xá ở Vĩnh

Đại (tên xã, huyện La Sơn), Hồ Khẩu (tên xã, huyện Hưng Nguyên). Triều đình ra lệnh cho trấn quan áp giải họ qua biên giới. Người ở cũ thì cho vào khu vực riêng” (Viện Sử học, 1998, quyển 33: 719).

Đặc biệt, để tránh nguy cơ mất an ninh cho kinh đô Thăng Long, triều đình Lê Trịnh chỉ cho các thương thuyền nước ngoài được phép đến Phố Hiến làm ăn sinh sống. Vì thế, Phố Hiến thế kỷ XVII-XVIII là thương cảng lớn ở Đàng Ngoài. Sách *Đại Nam nhất thống chí* ghi: “Phố Bắc Hòa Thượng và Hạ đều ở phía Tây Nam huyện Kim Động. Đồi Lê, Vạn Lai Triều và dinh Hiến Nam đều ở đây. Hai phố này nhà ngói như bát úp, là nơi người Trung Quốc tụ hội buôn bán. Lại có phố Nam Hòa người Trung Quốc ở, đối diện với phố Bắc Hòa” (Phạm Đình Hồ, 2003: 61).

Khảo sát tư liệu văn bia Phố Hiến, có thể thấy khá nhiều tên người Trung Quốc được ghi trong bia công đức, đặc biệt xuất hiện nhiều ở bia chùa Thiên Ứng, chùa Kim Chung và một số đền, miếu khác. Cụ thể các văn bia có khắc họ tên người Hoa vào cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII là: bia khắc năm Chính Hòa thứ 23 (1702) và văn bia khắc năm Vĩnh Thịnh thứ 7 (1711) của chùa Kim Chung; văn bia khắc năm Vĩnh Thịnh thứ 5 (1709) ở chùa Thiên Ứng; văn bia khắc năm Vĩnh Thịnh thứ 7 (1711) chùa Hưng Khánh; văn bia miếu Thái bảo họ Lê khắc năm Bảo Thái thứ 4 (1723). Theo các văn bia trên, có thể thấy các họ người Hoa có mặt ở Phố Hiến thời gian này như sau: Quách 郭氏 (19 người), Lâm 林氏 (18 người), Thái 蔡氏 (18), Trần 陳氏 (10), Hứa 許氏 (9), Hồng 洪氏 (8), Đới 戴氏 (4), Hoàng 黃氏 (4), Ngụy 魏氏 (4), Diệp 葉氏 (3), Diêu 姚氏 (3), Lý 李氏 (3), Phó 傅氏 (3), Vương 王氏 (3), Dư 余氏 (2), Hà 何氏 (2), Cao 高氏 (1), Dương 楊氏 (1), Điền 田氏 (1), Giang 江氏 (1), Khang 康氏 (1), Khâu 寇氏 (1),

Lục 陸氏 (1), Lương 梁氏 (1), Mạch 麥氏 (1), Nhan 顏氏 (1), Phó 傅氏 (1), Quan 關氏 (1), Sử 史氏 (1), Tăng 曾氏 (1), Tiên 洗氏 (1), Thi 施氏 (1), Tô 蘇氏 (1),...

Các thế hệ sau ở địa phương hòa nhập với cộng đồng bản địa, trong đó có khá nhiều con cháu người Hoa định cư lâu năm, được lấy làng xã Việt Nam làm quê quán mình và được bổ quan tham gia trong chính quyền địa phương thời Lê trung hưng. Chẳng hạn, văn bia Võ miếu có tiêu đề là “Kiến lập miếu từ/建立廟宇” khắc năm Cảnh Hưng thứ 42 (1781) ghi lại người công đức xây dựng miếu, gồm: “Hoàng tín đại phu Thiêm sự viện Thiêm sự Trung tuyền, Quế Nhạc bá **Lâm Thuần Tước** người hương Linh Đường, huyện Thanh Trì; Tiến công thứ lang phụng ứng vụ Tào ty Thông sự **Thái Sĩ Tổ** người xã Thiên Mạc huyện Nam Xương; Hoàng tín đại phu Tào ty thông sự Thiêm sự viện Thiêm sự Tu Thận doãn **Tăng Đình Hôi**, người xã Ước Lễ, huyện Thanh Oai; Tào ty thông sự Phụng lịch thụ Tiến công thứ lang Huyện thừa huyện Cảnh Thuần **Tô Bá Bính**, người xã Bình Vọng huyện Thượng Phúc, Tiến công thứ lang Phụng ứng vụ Tào ty Thông sự Thịnh Trung **Hồng Tất Tú**, người thôn Hoa Dương xã Nhân Dục huyện Kim Động...”.

Có thể thấy, các vị họ Lâm 林氏, Thái 蔡氏, Tăng 曾氏, Tô 蘇氏, Hồng 洪氏 ở đây vốn là họ người Hoa, nhưng khi ấy những vị này được ghi quê quán là làng xã Việt Nam vùng Phố Hiến và các vùng phụ cận. Điều đó chứng tỏ rằng, người Hoa ở Phố Hiến đã nhanh chóng hòa nhập với hoạt động của cộng đồng dân cư bản địa, đồng thời được chính quyền thời Lê trung hưng có những chính sách ưu ái, quan tâm đặc biệt. Họ trở thành người địa phương và thậm chí được bổ chức quan.

Phạm Đình Hồ (1768-1839) - danh sĩ thời Lê từng viết: Tôi có người bạn. Bạn ta

là Hoàng Hy Đỗ, nguyên người ở Tân Hội, Việt Đông, cha ông đến làm ăn ở Phố Hiến trấn Sơn Nam, nên trở thành người Nam (*Đại Việt sử ký tục biên*, 1991).

Sách *Đại Việt sử ký tục biên* - bộ sử thời Lê trung hưng cũng chép rằng: “Năm Vĩnh Hựu thứ 6 (1740), thi hành phép hiến đồ dùng việc binh. Nếu ai xin ban thưởng chức phẩm cũng tùy theo số vật liệu dâng nhiều ít mà trao chức phẩm. Dân phố trong kinh kỳ và khách buôn ở Lai Triều (Phố Hiến) thuộc Sơn Nam tình nguyện hiến để được trao cho quan chức, cho theo như lệ nộp tiền thóc. Ai mà không muốn nhận quan chức thì trả lại bằng tiền. Ai có thứ ấy mà giấu giếm, nếu phát hiện ra thì phải tội” (Ngô Đức Thọ, 1993: 3-9).

Khi thương điểm Phố Hiến chấm dứt vào thời Lê cuối thế kỷ XVIII, các thương nhân người Hoa từ đây tỏa đi các nơi, trong đó số đông di chuyển lên Thăng Long - Hà Nội, nơi vốn đã có nhiều người Hoa định cư, buôn bán từ trước. Vào thời Nguyễn từ năm 1802, kinh đô được chuyển từ Thăng Long vào Thuận Hóa, nhưng Thăng Long - Hà Nội dưới thời Nguyễn vẫn là đô thị lớn, là trung tâm kinh tế ở miền Bắc. Người Hoa làm ăn ở Thăng Long - Hà Nội ngày càng đông đúc và thành đạt nên đã quyền tiền, mua đất xây dựng Hội quán Việt Đông và Hội quán Phúc Kiến, cùng tu sửa miếu Quan Thánh.

Tính từ thời điểm xây dựng hai Hội quán này và xây dựng lại miếu Quan Thánh vào đầu thế kỷ XIX, đến lần trùng tu các di tích trên vào niên hiệu Minh Mệnh nhà Nguyễn cũng chỉ trên dưới 10 năm. Nhưng số người Hoa tham gia công đức nhiều hơn, số tiền đóng góp nhiều hơn, như văn bia “Trùng tu Việt Đông hội quán” năm Minh Mệnh thứ 20 (1820) (ký hiệu thác bản N.0187) ghi lại 261 người và cửa hiệu góp 3.580 lượng bạc, trong đó có người đóng góp số tiền bạc rất lớn, như ba vị là Chu Sản Tài,

Trần Hiền Chu, Trần Chí Đoan mỗi người đóng 160 lượng, 10 người đóng mỗi người 150 lượng, ngoài ra Phan Hàn Điền và 16 người mỗi người đóng 100 lượng bạc.

Lần tu sửa đền Bạch Mã vào năm Minh Mệnh thứ nhất (1820), được văn bia “Trùng tu Bạch Mã miếu bi” (N. 0190) ghi lại tên người và các hiệu buôn ở ba phố người Hoa quê gốc ở các tỉnh Quảng Đông, Phúc Kiến và Triều Châu góp tiền tu sửa. Cụ thể, có tất cả 139 người và cửa hiệu, trong đó 107 cửa hiệu người Quảng Đông, 20 cửa hiệu người Phúc Kiến và 12 cửa hiệu người Triều Châu. Người đóng góp ít nhất là 2 lượng bạc, người đóng góp nhiều nhất đến 125 lượng, tổng cộng 2.173 lượng bạc, trong đó có 6 vị người Quảng Đông đóng góp mỗi người 125 lượng, đó là: Chu Ngạn Tài, Quan Tập Hoảng, Lương Tùng Âm, Xương Ký hiệu, Phan Hàn Điền và Chu Vĩnh Cát.

Như vậy, người Hoa định cư ở Thăng Long - Hà Nội vào năm đầu thời Nguyễn chủ yếu đến từ hai tỉnh Quảng Đông và Phúc Kiến. Nhưng sau đó trên dưới 10 năm, thì bên cạnh người Hoa Quảng Đông, Phúc Kiến đã xuất hiện khá nhiều người Hoa Triều Châu, như văn bia “Trùng tu Bạch Mã miếu bi” khắc năm 1820 (vừa nêu trên) viết: “Các quý hiệu ở ba phố Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu quyên góp tiền như sau...”. Bên cạnh đó, còn có người Hoa Hải Nam cũng định cư ở đây, nhưng số lượng không nhiều. Do vậy, người Hoa Triều Châu, Hải Nam không xây dựng Hội quán riêng mà tham gia cùng với Hội quán Quảng Đông.

Về việc thực hành tín ngưỡng, người Hoa ở Thăng Long - Hà Nội chủ yếu tham gia tại hai Hội quán Việt Đông và Phúc Kiến, cùng miếu Quan Thánh và đền Bạch Mã.

Hội quán Việt Đông vốn là Hội quán của người Hoa Quảng Đông, lúc đầu thờ Quan Đế. Sau đó, Hội quán này được người Hoa ở Triều Châu và Hải Nam tham gia

trùng tu và hoạt động tín ngưỡng, nên đã được phối thờ một số vị Thần khác. Như văn bia “Trùng tu Việt Đông hội quán”, khắc năm 1820 (N. 198) cho biết, nơi đây thờ thêm các vị Thần Tán Thuận Thiên Hậu nguyên quân, Tam Nguyên Tam quan đại đế và Phục Ba Đại nguyên soái. Văn bia giải thích rõ hơn: “Quan Thánh đại đế để giữ gìn hạo khí linh thiêng, Tán Thuận Thiên Hậu nguyên quân để che chở cho đi lại sông nước thuận lợi, còn Tam Nguyên Tam quan đại đế để cầu phúc và Phục Ba tướng quân để ghi nhớ công lao Ngài”.

Thông thường, Hội quán Phúc Kiến phụng thờ Thiên Hậu, còn Hội quán Quảng Đông thờ Quan Công. Văn bia “Trùng tu Hội quán Phúc Kiến” năm Gia Long thứ 16 (1817) ghi: “Thánh mẫu đến thời Nguyễn được phong làm Thiên phi, trải các đời đều được gia ban phong mỹ tự. Đến đời vua Khang Hy nhà Thanh được phong là Thiên Hậu (...) Người Mân (Mân Nam tức người Phúc Kiến) ta ở sát bờ biển, dùng tàu thuyền chuyên chở hàng hóa buôn bán ra nước ngoài, nhờ ơn đức Thánh che chở mà sóng yên biển lặng, đi lại thuận tiện, hết thảy trên cõi nhân gian này đều đội ơn Ngài từ lâu rồi. Vì thế không thể không phụng thờ cầu khẩn...”.

Tuy nhiên, Thiên Hậu là Thần chủ về sông nước, bảo hộ cho việc đi lại trên biển cả, nên được cả Hội quán Phúc Kiến và Hội quán Quảng Đông thờ phụng. Riêng người Triều Châu tôn thờ Phục Ba tướng quân, do đó Hội quán Quảng Đông phối thờ Phục ba tướng quân khi có thêm cộng đồng người Hoa Triều Châu tham dự. Chính vì Phục Ba tướng quân được phối thờ ở đây, nên một số người đã nhầm lẫn là Phục Ba cũng được thờ ở đền Bạch Mã.

Miếu Quan Thánh còn gọi là đền Quan Đế phụng thờ Quan Vân Trường, nhân vật nổi tiếng về trung nghĩa thời Tam Quốc, được tôn xưng là Quan Thánh đại đế. Tín

ngưỡng Quan Đế trở nên phổ biến không chỉ với người Hoa mà với cả thị dân bản địa.

Tư liệu văn bia người Hoa ở các địa phương miền Bắc cho biết, ngoài Phố Hiến và Hà Nội ra, thì hầu hết các tỉnh thành đều có Bang hội người Hoa, như tỉnh Thanh Hóa có Bang trưởng ba bang Quảng (Quảng Triệu) Phúc (Phúc Kiến) Triều (Triều Châu) là Trần Triều Anh; ngoài ra ở các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng, Ninh Bình cũng đều có khá nhiều cửa hiệu người Hoa và bang hội người Hoa, như hiệu Đồng Phát, Ích Sinh (Nam Định), hiệu Xương Lợi (Thái Bình), Phúc Hưng Long, Phúc Long, Bảo Hiến (Ninh Bình), Hoàng Thành Kim (Thanh Hóa)... được ghi trên văn bia “Triều Châu phủ trùng tu” ở đền Thiên Hậu, Phố Hiến năm Dân Quốc thứ 10: 1921; hoặc Đại lý Tam Hoa quan Lô Bành đại nhân ghi trên văn bia Trùng tu Bách Thần miếu ở Cao Bằng,...

3. Kết luận

Hội quán người Hoa ở miền Bắc Việt Nam hiện chỉ có 1 di tích ở Phố Hiến (Đông Đô hội quán), 2 di tích ở Hà Nội (Phúc Kiến và Việt Đông) và 1 phế tích ở Thanh Hóa (Phúc Kiến hội quán). Các di tích này đều có văn bia. Ngoài ra còn có văn bia chữ Hán liên quan đến người Hoa ở các di tích người Việt khác, như đền, miếu, chùa,... Văn bia có niên đại sớm nhất ở Phố Hiến là năm 1625, ở Hà Nội là năm 1687, còn lại chủ yếu là văn bia được khắc vào thời Nguyễn từ đầu thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX.

Nội dung tư liệu văn bia phản ánh khá cụ thể trước hết về thương điểm Phố Hiến và Thăng Long - Hà Nội, trung tâm kinh tế, buôn bán lớn ở miền Bắc Việt Nam, cũng như tổ chức và hoạt động kinh tế, tín ngưỡng của người Hoa trước đây. Đồng thời, các văn bia này cũng phản ánh khá cụ thể về chính sách và cách ứng xử của người Việt với người Hoa, nhằm tạo điều kiện để

người Hoa yên ổn sinh sống làm ăn phát đạt và tham gia đóng góp xây dựng kinh tế, hoạt động tín ngưỡng ở địa phương.

Văn bia chữ Hán về người Hoa ở Phố Hiến, Hà Nội và các địa phương miền Bắc Việt Nam tuy không nhiều, không tập trung như ở các di tích người Hoa tại Hội An và thành phố Hồ Chí Minh, nhưng lại khá phong phú về nội dung tư liệu. Việc sưu tập và phân tích đầy đủ dữ liệu trên văn bia người Hoa này sẽ giúp chúng ta hiểu biết sâu sắc hơn về nguồn gốc, nghề nghiệp, đời sống kinh tế và hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng của họ tại phía Bắc Việt Nam, nơi từng có dấu ấn khá sâu đậm của người Hoa và văn hóa người Hoa, cũng như chính sách của triều đình nhà Lê và nhà Nguyễn đối với người Hoa ở Việt Nam nói chung, ở miền Bắc, tiêu biểu là ở Phố Hiến và Hà Nội nói riêng. Bài viết đã điểm ra đôi điều về những khía cạnh ấy, góp phần nghiên cứu sâu sắc hơn về người Hoa ở Việt Nam, cũng như góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản Hán Nôm về người Hoa trong điều kiện hiện nay □

Tài liệu tham khảo

1. *Đại Việt sử ký tục biên* (1991), bản dịch của Ngô Thế Long, Nguyễn Kim Hưng, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Phạm Đình Hồ (2003), *Vũ Trung tùy bút*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn (1971), *Đại Nam nhất thống chí*, Bản dịch, T.3, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, Bản dịch, T.I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
5. Ngô Đức Thọ (1993), “Đô thị cổ Phố Hiến: Thư tịch và bi ký Hán Nôm”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 2 (15), tr. 3-9.
6. Viện Sử học (1998), *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Chính biên, quyển 33, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.